

TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN

MPP24, Học kỳ Xuân, 2023

BÀI GIẢNG 03:

CÁC NHÂN TỐ CƠ BẢN ĐỂ HÌNH THÀNH TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

FSPPM – 5.2023



BAT ĐỘNG SẢN
CAFEF

CẤU TRÚC
BÀI GIẢNG

Khái niệm Trung tâm tài
chính quốc tế

Các nhân tố cơ bản hình
thành TTTC quốc tế

Thảo luận Trung tâm tài
chính quốc tế của Việt
Nam tại TP HCM



1. KHÁI NIỆM TTTC

- Trung tâm tài chính quốc tế (IFC) được hiểu là một không gian đô thị tập hợp các dịch vụ tài chính, khách hàng và tổ chức cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, phạm vi hoạt động và lưu chuyển dòng vốn vượt ra ngoài biên giới quốc gia, tuân theo chuẩn mực quốc tế, với quy mô và ảnh hưởng nhất định xét trên góc độ nghiệp vụ (chuyên môn hóa) hay cấp độ địa lý.



1. KHÁI NIỆM TTTC

- Trung tâm tài chính quốc tế (International Financial Center, IFC)
- Trung tâm tài chính toàn cầu (Global Financial Center, GFC),
- Trung tâm tài chính khu vực (Regional Financial Center, RFC)
- Trung tâm tài chính hải ngoại (Offshores Financial Center, OFC).
- Trung tâm tài chính nội địa (Domestic Financial Center - DFC) hay còn gọi là trung tâm tài chính quốc gia (National Financial Center – NFC)

(HPEC, 2007)

1. Khái niệm TTTC

(HPEC, 2007)

Các loại IFC	Đặc điểm cơ bản
TTTC toàn cầu (GFC) <i>London, New York, Singapore</i>	+ Khách hàng đa dạng, tỷ lệ giao dịch quốc tế cao + Nguồn vốn đến từ khắp thế giới, dòng vốn tự do ra vào biên giới + TTTC hiện đại, tính thanh khoản cao + Hệ thống pháp lý chặt chẽ, minh bạch
TTTC khu vực (RFC) <i>Hồng Kông, Dubai, Paris Frankfurt, Tokyo</i>	Khách hàng trong nước và các nước láng giềng + Tỷ lệ giao dịch khu vực có thể cao hơn giao dịch trong nước + Thị trường và CSHT tài chính phát triển nhưng không phức tạp, sâu và rộng như GFC
TTTC hải ngoại (OFC)	Cung cấp dịch vụ đặc thù cho các khách hàng không ở nước sở tại để né/tránh thuế, chuyển lợi nhuận, quản lý tài sản và ngân hàng tư nhân <i>Thụy sĩ, Hà Lan, Luxembourg, Ireland, Hồng Kông, Singapore, British Virgin Islands, Cayman Islands</i>
TTTC nội địa (DFC)	Chủ yếu là khách hàng trong nước, có thể có giao dịch xuyên biên giới





1. KHÁI NIỆM TTTC

- Phân định thành các tên gọi khác nhau (IFC, RFC, OFC, GFC) không có tính tuyệt đối, tùy thuộc vào:
 - Tính chất đối tượng phục vụ (nguồn cung và cầu dịch vụ tài chính đều là từ bên ngoài lãnh thổ hay khách hàng nội địa nhưng có quan hệ tài chính với các đối tác quốc tế, khách hàng quốc tế nhưng có hoạt động trong và ngoài lãnh thổ,...),
 - Đặc thù sản phẩm tài chính, dịch vụ được cung cấp (sản phẩm nợ, vốn, phái sinh hay các dịch vụ tài chính khác,...),
 - Phạm vi cung cấp (nội địa, khu vực, quốc tế hay toàn cầu).



1. KHÁI NIỆM TTTC

Các nhóm dịch vụ, sản phẩm cơ bản:

- Phục vụ nhu cầu huy động và phân bổ vốn.
- Dịch vụ quản lý tài sản và đa dạng hóa danh mục đầu tư
- Dịch vụ quản lý tài sản cá nhân (personal wealth management)
- Nghiệp vụ kế toán, tư vấn tài chính doanh nghiệp (chuyên giá)
- Hoạt động quản lý ngân quỹ doanh nghiệp toàn cầu/khu vực
- Hoạt động quản trị rủi ro toàn cầu/khu vực và bảo hiểm/tái bảo hiểm
- Tài chính định lượng và nền tảng tài chính cho các dự án lớn
- Hoạt động gọi vốn cho các dự án hợp tác công tư toàn cầu/khu vực

XU HƯỚNG TOÀN CẦU TỪ SAU KHỦNG HOẢNG 2008

- Xu hướng tái cấu trúc với sự suy giảm vai trò các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng đầu tư và sự gia tăng của ngành **quản lý tài sản** (asset management).
- Sự gia tăng quy mô và sức mạnh của các ngân hàng trung ương, các tổ chức điều tiết giám sát đặc biệt ở Bắc Mỹ và Châu Âu
- Sự lớn mạnh của các trung tâm tài chính ở Trung Quốc như Thượng Hải, Bắc Kinh, Thâm Quyển, Quảng Châu, Thanh Đảo
- Sự phát triển theo hướng đa dạng hóa các dịch vụ tài chính mang tính khu vực và toàn cầu của Singapore.
- Ảnh hưởng sâu rộng của chiến tranh thương mại, chiến tranh công nghệ và bất ổn địa – chính trị đến vai trò và hoạt động của các trung tâm tài chính quốc tế.



XU HƯỚNG TOÀN CẦU TỪ SAU KHỦNG HOẢNG 2008

- Thách thức từ sự hiện diện và nổi lên của **Fintech**: “*một phân khúc năng động, giao điểm của các ngành dịch vụ tài chính và công nghệ nơi các công ty khởi nghiệp tập trung vào công nghệ và những người tham gia thị trường mới đổi mới các sản phẩm và dịch vụ hiện tại vốn dĩ do ngành dịch vụ tài chính truyền thống cung cấp*”
- ✓ Các trung tâm tài chính Fintech tiêu biểu: “*Silicon Alley*” tại New York, “*Silicon Roundabout*” ở London, “*Finance Innovation*” ở Paris, Berlin, Munich, Trung Quốc, Singapore là cầu nối của các trung tâm mới nổi ở Indonesia, Malaysia, Thái lan và Việt Nam
- ✓ Không chỉ đơn thuần là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong dịch vụ tài chính mà còn là những **thay đổi đột biến** có thể xảy ra trong việc xem xét cách thức cung cấp dịch vụ tài chính hay chủ thể cung cấp các dịch vụ, theo Wójcik (2018)
- ✓ **Gia tăng cạnh tranh** về giá trong lĩnh vực ngân hàng tiêu dùng, thanh toán, chuyển tiền



MỘT SỐ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH MÀ CÁC CÔNG TY FINTECH CUNG CẤP

Công nghệ ngân hàng

Công cụ phân tích
Quản lý dữ liệu
Quản lý quan hệ khách hàng
An toàn, bảo mật

Thanh toán

Thương mại trực tuyến B2C
Ví di động/POS
Chuyển tiền ngang hàng P2P
Giải pháp thanh toán khác

Tiền kỹ thuật số

Blockchain
Bitcoin
Ví kỹ thuật số
Sàn giao dịch tiền kỹ thuật số

Tài chính doanh nghiệp

Cho vay ngang hàng P2P
Hạn mức tín dụng cho doanh nghiệp
Gọi vốn

Tài chính tiêu dùng

Cho vay ngang hàng P2P
Tư vấn Robot
Quản lý tài chính cá nhân
Vay trả góp
Xếp hạn tín dụng

Dịch vụ thay thế cốt lõi

Bảo hiểm sức khỏe
Bảo hiểm xe hơi
Bảo hiểm tài sản
Ngân hàng kỹ thuật số



2. CÁC NHÂN TỐ CƠ BẢN HÌNH THÀNH TTTC QUỐC TẾ

Kindleberger (1974): vị trí và chức năng của các thành phố, vai trò của tiền tệ và thị trường vốn trong tiến trình phát triển và tiến triển của hệ thống ngân hàng.

Barton. D. (2009): (i) Tự do hóa, đồng nghĩa với mức độ phi điều tiết của thị trường, cho phép dòng vốn di chuyển tự do hơn; (ii) Mức độ tiêu chuẩn hóa, tức là sự hội tụ dần dần theo chuẩn mực quốc tế; (iii) Tính lưu động (mobility), nghĩa là dòng vốn lưu chuyển dễ dàng vượt ra khỏi các trung tâm truyền thống (New York và London), (iv) Số hóa, cải thiện về lượng thông tin và tốc độ truyền tải khắp thế giới cho phép vốn di chuyển rất nhanh, sử dụng vốn hiệu quả hơn, di chuyển vốn đến những nơi sử dụng với năng suất và lợi nhuận cao nhất.

Cassis (2010) tiếp cận theo góc nhìn so sánh lịch sử phát triển năng động của các trung tâm tài chính: vị thế của các trung tâm tài chính khá ổn định và phụ thuộc yếu tố quan trọng nhất là sức mạnh, tầm ảnh hưởng, độ lớn của nền kinh tế nơi trung tâm tài chính phục vụ.



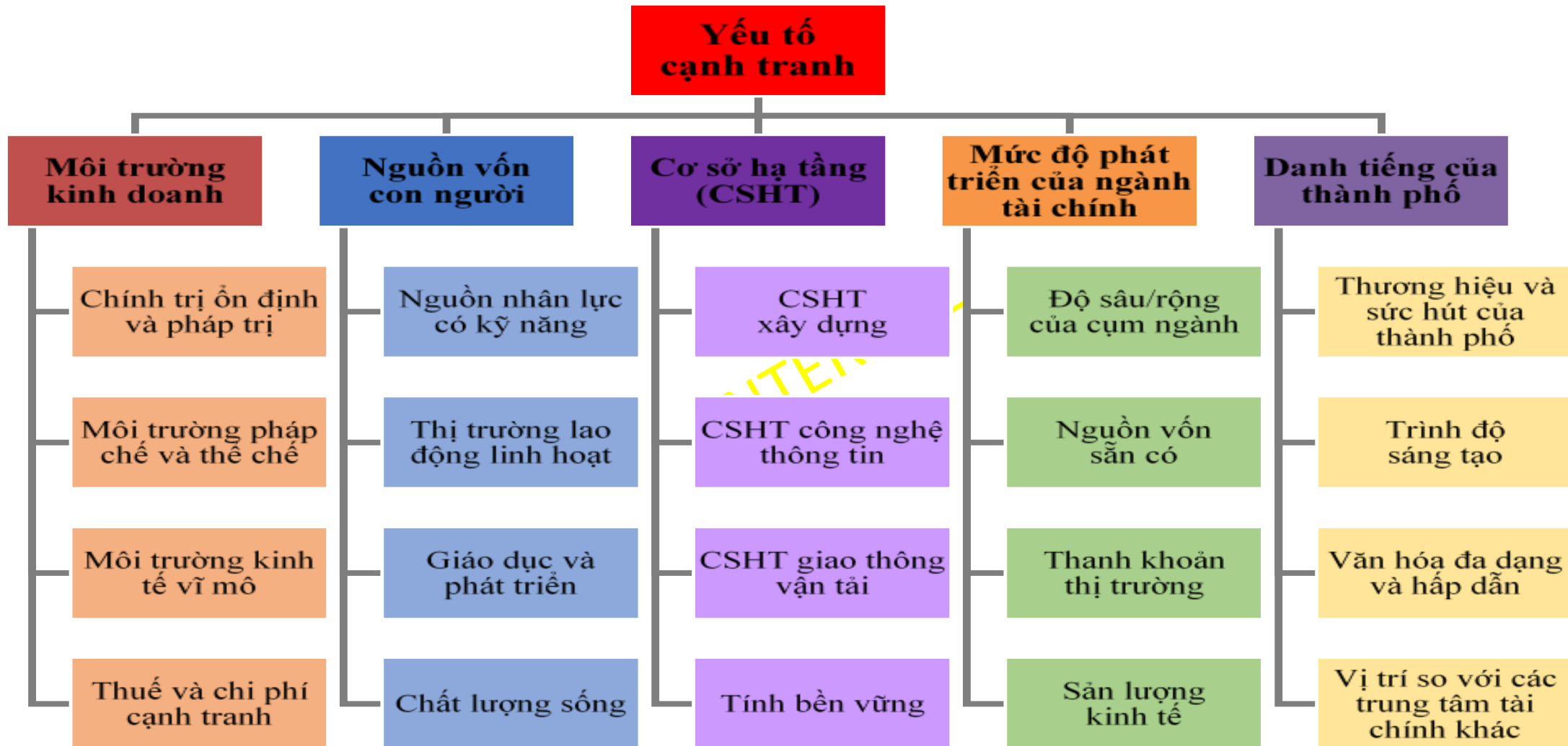
2. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA CÁC TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Karan & Kayral (2012)

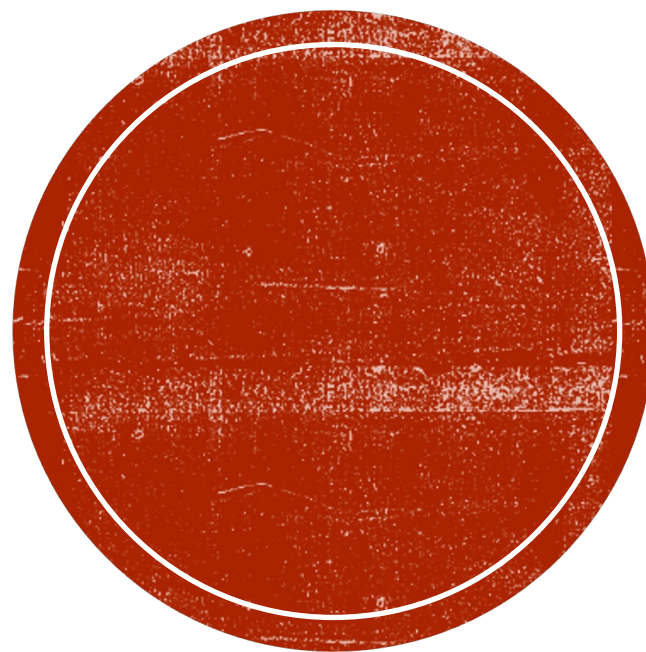
Ổn định kinh tế và chính trị	Chi phí tiến hành hoạt động kinh doanh
Năng lực của thị trường dịch vụ tài chính	Môi trường tài chính cạnh tranh
Số lượng lao động kỹ năng, chuyên gia	Tiềm năng tạo lợi nhuận tài chính
Sự sẵn sàng cho các dịch vụ chuyên ngành	Hệ thống thuế có lợi thế cạnh tranh
Quy mô của thị trường bản địa	Các chính sách phù hợp cho tiếp thị
Thị trường quy mô lớn	Vị trí địa lý của trung tâm
Danh tiếng và uy tín của trung tâm	Thể chế điều hành chịu trách nhiệm về mặt tổ chức
Mức độ chủ động của quy định pháp lý	Lối sống quốc tế có tiêu chuẩn cao
Môi trường pháp luật theo quy phạm quốc tế	Khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ
Mức độ dễ dàng xây dựng và quản trị doanh nghiệp trên quy mô toàn cầu	Cơ sở hạ tầng phục vụ thông tin truyền thông & giao thông thuận tiện hiệu quả



2. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN HÌNH THÀNH TTTC QUỐC TẾ



3. THẢO LUẬN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TẠI TP HCM



Vị trí đặc địa của TP. HCM trong khu vực



**Đường bay từ TP HCM
đến các nước Đông Nam Á**





NỘI DUNG TRÌNH BÀY

1. Định hướng phát triển TTTC TP.
HCM

2. Các Trung tâm tài chính quốc tế so
sánh

3. Đánh giá các yếu tố cơ bản

- Môi trường kinh doanh
- Vốn con người
- Cơ sở hạ tầng
- Mức độ phát triển lĩnh vực tài chính
- Danh tiếng thành phố

4. Thách thức và gợi ý chính sách

1. Định hướng phát triển trung tâm tài chính quốc tế tại TP. HCM

- Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC) là một không gian đô thị tập hợp các dịch vụ tài chính, khách hàng và tổ chức cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, phạm vi hoạt động và lưu chuyển dòng vốn vượt ra ngoài biên giới quốc gia, tuân theo chuẩn mực quốc tế.
- Định hướng phát triển TTTC Hồ Chí Minh:



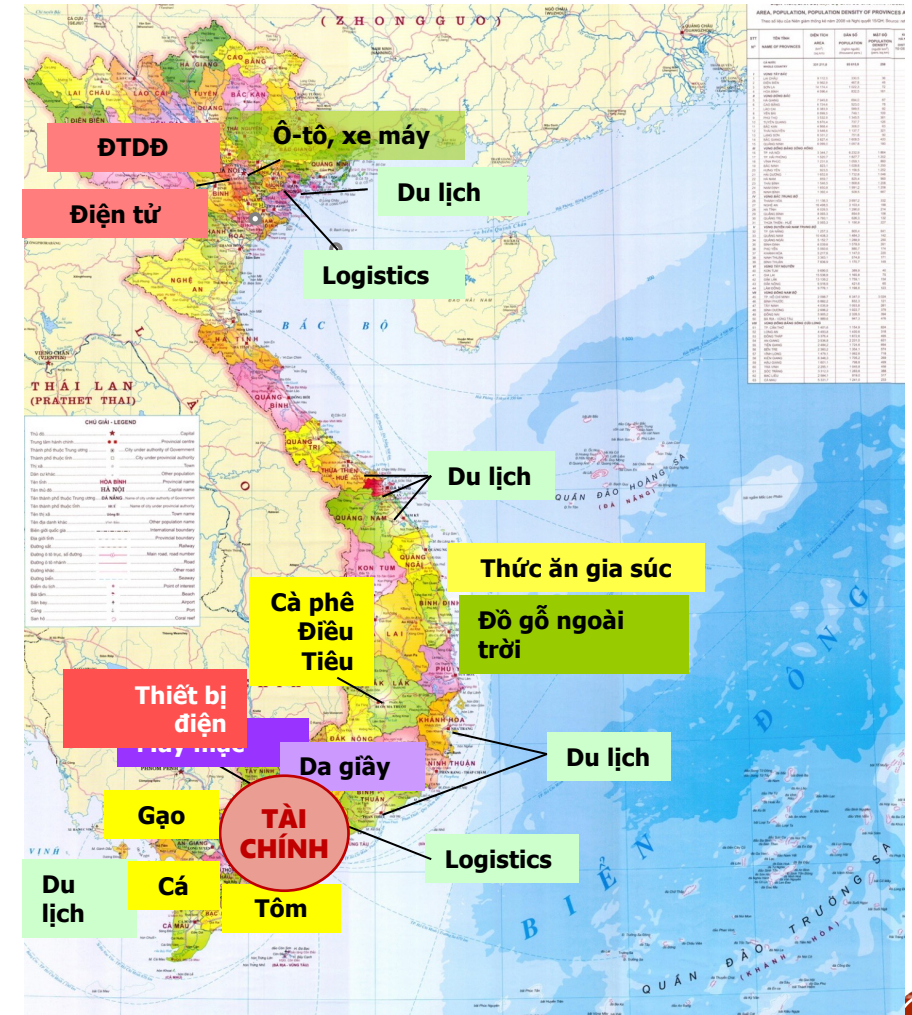
TP.HCM đã là một trung tâm tài chính quốc gia

- Nơi tập trung các tổ chức tài chính, thị trường tài chính, dịch vụ hỗ trợ và nhân lực tài chính
 - Tổ chức tài chính
 - Ngân hàng thương mại
 - Công ty tài chính
 - Doanh nghiệp Fintech
 - Thị trường tài chính
 - Thị trường cổ phiếu
 - Thị trường mua bán sáp nhập
 - Dịch vụ hỗ trợ
 - Luật
 - Kế toán, kiểm toán
 - Công nghệ thông tin
 - Nhân lực tài chính
 - Môi trường sống
 - Thị trường lao động
 - Trường đào tạo
- Vai trò quốc gia
 - Đầu tàu kinh tế
 - Trụ sở doanh nghiệp
 - Huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho cả nền kinh tế quốc gia
- Vai trò quốc tế
 - Cửa ngõ quốc tế
 - Xuất nhập khẩu hàng hóa
 - Kiều hối
 - Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
 - Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII)
 - Trụ sở các tổ chức tài chính nước ngoài

- Công ty chứng khoán
- Công ty quản lý quỹ
- Công ty bảo hiểm

INTERNAL

*Các ngành kinh tế phát triển thành công thường tập trung theo cụm (**cluster**) ở một địa phương/vùng*



TP.HCM SO VỚI CẢ NƯỚC, NĂM 2019

	TP.HCM	Việt Nam	So với cả nước
Diện tích (km ²)	2.095	331.231	0,6%
Dân số (triệu người)	8,99	96,2	9,4%
Tổng sản phẩm nội địa, GRDP/GDP (nghìn tỷ đồng)	1.344	6.037	22,3%
Số doanh nghiệp năm (nghìn DN)	240	759	31,6%
Thu ngân sách (nghìn tỷ đồng)	411	1.551	26,6%
Chi ngân sách (nghìn tỷ đồng)	101	1.755	5,8%
Giá trị gia tăng công nghiệp (nghìn tỷ đồng)	280	1.692	16,6%
Tổng mức bán hàng hóa-dịch vụ (nghìn tỷ đồng)	1.161	4.931	23,5%
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ đô-la)	42	264	16,0%
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ đô-la)	51	253	20,3%
FDI đăng ký (tỷ đô-la)	47,7	454,0	10,5%
FDI đăng ký (số dự án)	9.710	33.921	28,6%
Giá trị gia tăng tài chính-ngân hàng (nghìn tỷ đồng)	109	321	34,0%
Tiền gửi huy động (nghìn tỷ đồng)	2.547	8.793	29,0%
Dư nợ cho vay (nghìn tỷ đồng)	2.296	8.195	28,0%
Vốn hóa thị trường chứng khoán (nghìn tỷ đồng)	3.280	3.472	94,5%

TP.HCM SO VỚI CẢ NƯỚC, NĂM 2022

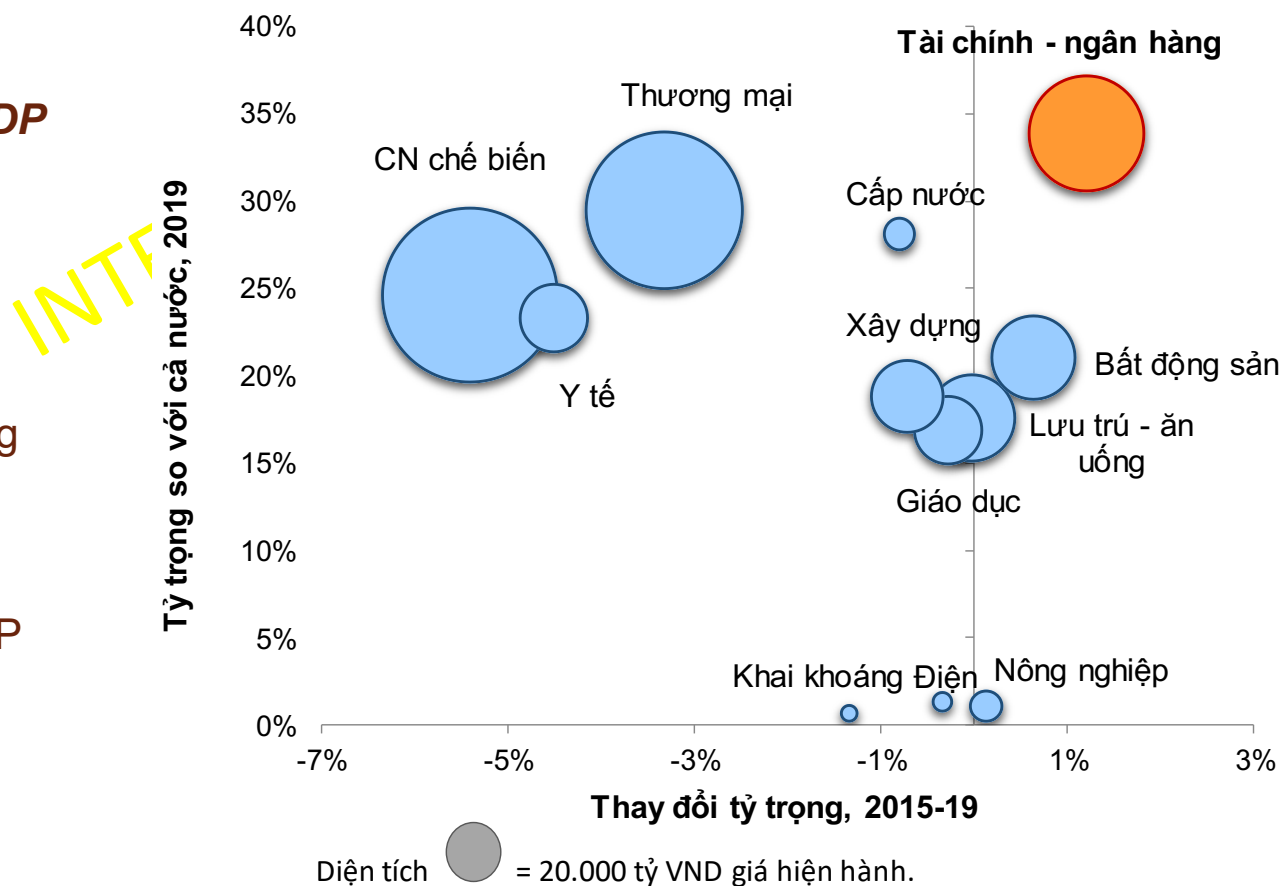
	TP.HCM	Việt Nam	So với cả nước
Diện tích (km ²)	2.095	331.231	0,63%
Dân số (triệu người)	9,39	99,46	9,44%
Tổng sản phẩm nội địa, GRDP/GDP (nghìn tỷ đồng)	1.479	9.513	15,55%
Số doanh nghiệp năm (nghìn DN)	268	864	31,02%
Thu ngân sách (nghìn tỷ đồng)	458	1.614	28,38%
Chi ngân sách (nghìn tỷ đồng)	90	2.035	4,42%
Giá trị gia tăng công nghiệp (nghìn tỷ đồng)	268	3.050	8,79%
Tổng mức bán hàng hóa-dịch vụ (nghìn tỷ đồng)	1.089	5.680	19,17%
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ đô-la)	48	372	12,90%
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ đô-la)	63	360	17,50%
FDI đăng ký (tỷ đô-la)	56	439	12,76%
FDI đăng ký (số dự án)	11.272	36.278	31,07%
Giá trị gia tăng tài chính-ngân hàng (nghìn tỷ đồng)	149	453	32,89%
Tiền gửi huy động (nghìn tỷ đồng)	3.250	11.819	27,50%
Dư nợ cho vay (nghìn tỷ đồng)	3.193	11.924	26,78%
Vốn hóa thị trường chứng khoán (nghìn tỷ đồng)	4.017	5.227	94,09%



Tài chính là ngành kinh tế lớn và có tốc độ tăng trưởng nhanh của TP.HCM

- Tài chính (gồm tài chính – ngân hàng – bảo hiểm) là ngành kinh tế ***lớn thứ tư*** của TP.HCM, hiện đứng sau công nghiệp chế biến – chế tạo, thương mại, vận tải – kho bãi.
- Ngành tài chính chiếm tỷ trọng **9,9% trong GRDP** của TP năm 2020.
- Trong giai đoạn 2016-2020, ngành tài chính là ngành có ***tốc độ tăng trưởng cao nhất, 8,74%/năm*** (GRDP tăng 6,43%; công nghiệp 6,28%; thương mại 7,66%; vận tải – kho bãi 6,94%; thông tin – truyền thông 8,48%).
- Ngành tài chính của TP tăng 10% sẽ giúp GRDP của TP tăng 1%.

So với cả nước, tài chính là ngành mà TP.HCM có năng lực cạnh tranh cao nhất



Lịch sử hình thành trung tâm tài chính TP.HCM:

Nhiều tổ chức & thị trường tài chính Việt Nam đầu tiên hình thành là ở TP.HCM

▪ Hệ thống ngân hàng thương mại, từ 1991

- Chuyển hệ thống ngân hàng đơn cấp thành hai cấp, 1988

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV)



- 4 NHTM nhà nước chuyên doanh



- Bùng nổ HTX tín dụng, quỹ tín dụng 1989-1991

- Hình thành các ngân hàng thương mại cổ phần, 1991-96

Năm	TP.HCM	Hà Nội
1991	Sacombank	
1992	 	
1993	 	
1994		
1996		

• Thị trường cổ phiếu, từ 2000



thành lập năm 1996



- Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM thành lập năm 1998, đi vào hoạt động năm 2000

- Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội thành lập năm 1998, đi vào hoạt động năm 2005



- Hình thành các công ty chứng khoán và quản lý quỹ

Năm	TP.HCM	Hà Nội
1999		
2000		
2001		
2002		
2003		
2005		
2006		
2007		
2008		
2010		

2. CÁC TRUNG TÂM TÀI CHÍNH SO SÁNH

TP.HCM lần đầu xuất hiện trong Báo cáo xếp hạng các trung tâm tài chính toàn cầu của GFCI số 27, tháng 3/2020

GFCI 27 Các trung tâm tài chính thứ cấp

Trung tâm	Số lần đánh giá trong 24 tháng qua	Điểm trung bình đánh giá
Wuhan, China	137	436
Bratislava, Slovakia	83	614
Andorra	80	550
Bogota, Colombia	79	539
Lagos, Nigeria	59	546
Lugano, Switzerland	49	612
Trinidad & Tobago	48	548
Karachi, Pakistan	39	536
Ho Chi Minh City, Vietnam	35	566
Chisinau, Moldova	35	711
Turks and Caicos	24	646
Kaunas, Lithuania	18	611

GFCI 28 Các trung tâm tài chính thứ cấp

Trung tâm	Số lần đánh giá trong 24 tháng qua	Điểm trung bình đánh giá
Bogota, Colombia	147	527
Lugano, Switzerland	105	634
Lagos, Nigeria	101	511
Andorra	88	583
Ho Chi Minh City, Vietnam	79	553
Chisinau, Moldova	62	640
Turks and Caicos	56	584
Karachi, Pakistan	55	511
Trinidad & Tobago Kaunas, Lit	48	569
Kaunas, Lithuania	36	550

Cần thêm
71 đánh
giá



2. CÁC TRUNG TÂM TÀI CHÍNH SO SÁNH

		T3-2022		T3-2020		T9-2020		T6.2020
No	Tên các TTTC	Xếp hạng GFCI 31	Điểm đánh giá 31	Xếp hạng GFCI 27	Điểm đánh giá 27	Xếp hạng GFCI 28	Điểm đánh giá 28	Điểm trung bình
1	Singapore	6	712	5	738	6	742	830
2	Thượng Hải	4	714	2	740	3	748	820
3	Thâm Quyển	10	707	11	722	9	732	816
4	Bắc Kinh	8	710	7	734	7	741	808
5	HongKong	3	715	6	737	5	743	794
6	Tokyo	9	708	3	741	4	747	750
7	Seoul	12	705	33	694	25	695	712
8	Busan	30	673	51	664	40	664	684
9	Đài Bắc	66	605	75	640	42	662	662
10	Mumbai	50	642	45	672	35	678	609
11	Bangkok	61	617	58	657	58	617	607
12	Kuala Lumpur	45	660	44	677	41	663	579
13	Manila	100	546	103	606	106	491	557
0	Ho Chi Minh	102	544		566			553
14	Jakarta	69	600	93	617	81	568	513



3. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN

*NHỮNG YẾU TỐ **TRÊN TRUNG BÌNH***

	Nguồn nhân lực	Khả năng can thiệp		Môi trường kinh doanh	Khả năng can thiệp
HC08	Điểm đến du lịch	Cao	BE05	Điểm đến dịch vụ toàn cầu	Trung bình
HC01	Tỷ lệ tốt nghiệp ngành Khoa học xã hội, Kinh tế và Luật (% sinh viên tốt nghiệp)	Trung bình	BE09	Thuế thu nhập cá nhân	Trung bình
HC14	Chỉ số khủng bố toàn cầu	Thấp	BE08	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Trung bình
HC13	Đa dạng ngôn ngữ	Thấp	BE16	Chỉ số hòa bình thế giới	Thấp
	Cơ sở hạ tầng (CSHT)		BE33	Công khai ngân sách	Trung bình
IF25	Phát thải CO2/người	Trung bình		Phát triển ngành	
IF24	Diện tích rừng	Thấp	FS14	Chỉ số hoạt động kinh tế	Thấp
IF CCR	Cam kết giảm khí thải carbon	Cao	FS07	Tỷ lệ doanh nghiệp vay ngân hàng	Trung bình
IF27	Mức độ sẵn có 4G	Trung bình	FS12	Chỉ số kết nối tàu biển quốc gia	Thấp
	Danh tiếng		FS10	Cân đối tài sản/nợ nước ngoài của ngân hàng	Thấp
RF03	Dòng vốn vào FDI	Thấp	FS03	Khối lượng giao dịch cổ phiếu	Trung bình
RF07	Chỉ số bảo vệ sở hữu trí tuệ toàn cầu		FS13	Chỉ số kết nối toàn cầu	Trung bình



3. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN

NHỮNG YẾU TỐ ĐANG RẤT YẾU

		Khả năng can thiệp			Khả năng can thiệp
	Môi trường kinh doanh			CSHT	
BE01	Xếp hạng môi trường kinh doanh	Trung bình	IF16	Chỉ số hoạt động logistic	Thấp
BE26	Thượng tôn pháp luật	Trung bình	IF03	Chỉ số minh bạch bất động sản JLL	Trung bình
BE20	Chế tài QLNN	Cao	IF06	Chất lượng mạng lưới giao thông nội địa	Thấp
BE18	Hiệu lực QLNN	Thấp	IF07	Chất lượng CSHT đường bộ	Trung bình
BE29	Kiểm soát tham nhũng	Trung bình	IF10	Chỉ số sẵn sàng nối mạng	Trung bình
BE30	Quốc gia tốt nhất cho kinh doanh	Trung bình		Danh tiếng	
BE28	Chất lượng điều tiết	Trung bình	RF20	Chỉ số thành phố toàn cầu	Trung bình
	Nguồn nhân lực		RF17	Chỉ số thành phố năng động IESE	Trung bình
HC10	Chất lượng cuộc sống	Trung bình	RF06	Chỉ số sáng tạo toàn cầu	Trung bình
			RF11	Chỉ số thành phố sáng tạo toàn cầu	Thấp
			RF14	Báo cáo thuận lợi thương mại toàn cầu	Trung bình
			RF16	Chỉ số thịnh vượng	Thấp
			RF02	Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu	Trung bình



TP.HCM so với Singapore

TP.HCM mạnh hơn

- Thị trường nội địa
- Nhân lực bán kỹ năng dồi dào & chi phí cạnh tranh
- Môi trường tự nhiên
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế và quy mô tiềm năng của nền kinh tế
- Văn hóa, ngôn ngữ đa dạng

Singapore mạnh hơn

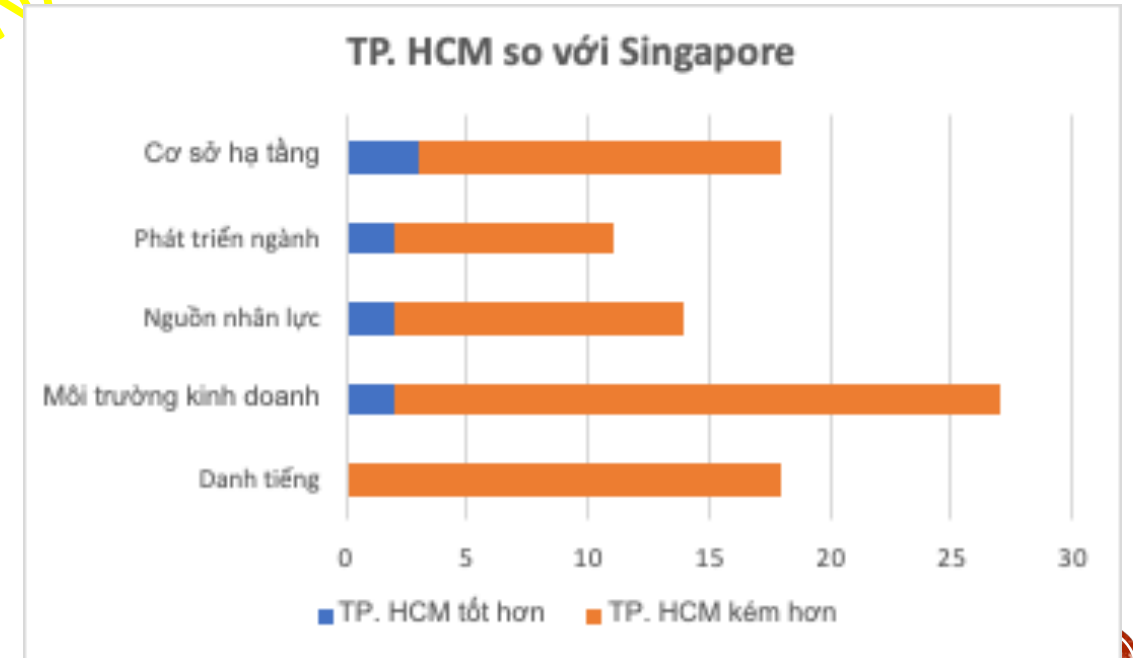
- Môi trường kinh doanh
- Hiệu lực, hiệu quả và tính đổi mới của bộ máy quản lý nhà nước
- Kiểm soát tham nhũng
- Trình độ phát triển của các dịch vụ tài chính và cụm ngành tài chính
- Cơ sở hạ tầng và kết nối quốc tế
- Chất lượng chăm sóc y tế sức khỏe
- Chất lượng sống, chỉ số phát triển con người
- Chỉ số bí mật tài chính (hoạt động tài chính offshore)

Singapore

* **Vị thế: 6/121, TTTC toàn cầu**

* **Đặc trưng:**

- ✓ Trụ sở vùng của các tổ chức tài chính toàn cầu
- ✓ Quản lý đầu tư
- ✓ Ngoại hối
- ✓ Fintech
- ✓ Ngân hàng (quản lý tài sản, ngân hàng cá nhân)



TP.HCM so với Thượng Hải

TP.HCM mạnh hơn

- Chính sách thuế tương đối hấp dẫn hơn
- Xã hội mở
- Ổn định chính trị, không có bạo lực & khủng bố
- Bảo vệ sở hữu trí tuệ tương đối tốt hơn
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế
- Môi trường tự nhiên
- Văn hóa, ngôn ngữ đa dạng

Thượng Hải mạnh hơn

- Điểm đến dịch vụ toàn cầu nhờ lượng nhân công dồi dào, kỹ năng tốt
- Thu hút FDI rất mạnh
- Năng lực sáng tạo đổi mới cao
- Điểm đến của nhiều hoạt động hội nghị hội thảo quốc tế;
- Chỉ số kinh tế vĩ mô tốt hơn
- Kiểm soát tham nhũng tốt hơn
- Quy mô nền kinh tế
- Cơ sở hạ tầng giao thông, kết nối quốc tế tốt hơn đáng kể;

Thượng Hải

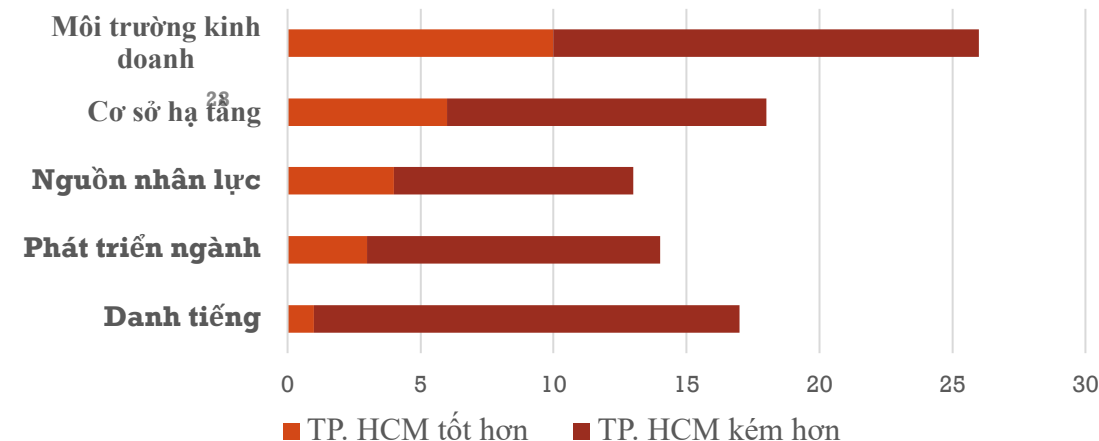
* Ví thế: 3/121, TTTC toàn cầu

* Đặc trưng:

- ✓ Tổ chức tài chính nhà nước
- ✓ Ngân hàng quy mô lớn
- ✓ Thị trường cổ phiếu quy mô lớn
- ✓ Quản lý đầu tư
- ✓ Fintech

INTERNAL

TP. HCM so với Thượng Hải



TP.HCM so với Bangkok

TP.HCM mạnh hơn

- Việt Nam nhỉnh hơn ở chỉ số Điểm đến dịch vụ toàn cầu nhờ khả năng thu hút tài chính; thu hút FDI
- Ổn định chính trị, không có bạo lực & khủng bố
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế, quy mô kinh tế tiềm năng
- Kết nối toàn cầu về thương mại, đầu tư, con người cao hơn

Bangkok mạnh hơn

- Môi trường kinh doanh
- Chính sách thuế
- Chỉ số kinh tế vĩ mô
- Chất lượng và hiệu lực QLNN
- Quy mô, khối lượng giao dịch chứng khoán và vốn hóa thị trường
- Tài chính xanh, minh bạch thông tin về phát triển bền vững
- CSHT công nghệ thông tin, sẵn sàng kết nối
- Chất lượng chăm sóc y tế sức khỏe
- Điểm đến du lịch hàng đầu thế giới

Bangkok

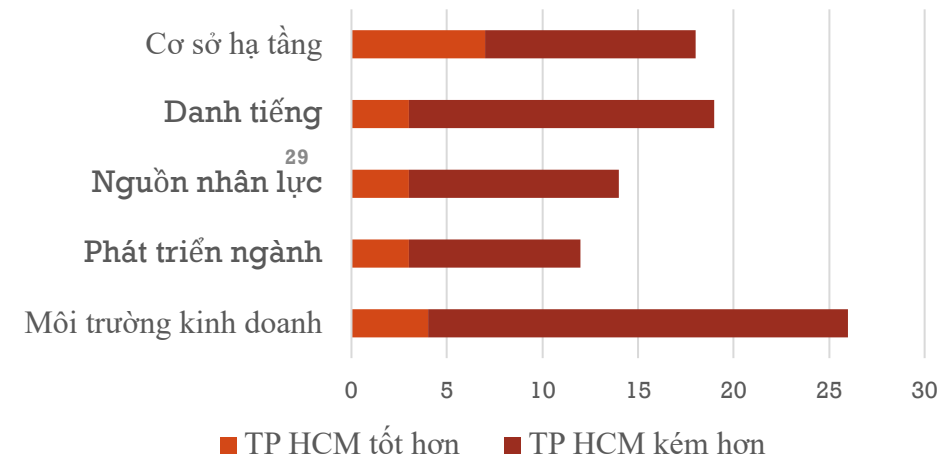
* **Vị thế: 58/121, TTTC quốc gia/khu vực**

* **Đặc trưng:**

- ✓ Tài chính hồi giáo (Islamic finance)
- ✓ Thị trường vốn, ngân hàng
- ✓ Thị trường trái phiếu khu vực CLMVT
- ✓ Hoạt động tài chính Offshore

INTERNAL

TP Hồ Chí Minh so với Bangkok



TP.HCM so với Kuala Lumpur

TP.HCM mạnh hơn

- Môi trường tự nhiên
- Nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành liên quan dồi dào hơn;
- Ổn định chính trị, không có bạo lực & khủng bố tương đối tốt hơn;
- Nhỉnh hơn đôi chút ở độ mở của chính quyền
- Tốc độ tăng trưởng và quy mô tiềm năng của nền kinh tế
- Văn hóa, ngôn ngữ đa dạng

Kuala Lumpur mạnh hơn

- Môi trường kinh doanh tốt
- Chính sách thuế
- Các chỉ số kinh tế vĩ mô
- Chất lượng và hiệu lực QLNN
- Khối lượng giao dịch chứng khoán và vốn hóa thị trường cao hơn
- Liên kết thị trường toàn cầu mạnh hơn
- Xu hướng tài chính xanh mạnh, minh bạch thông tin về phát triển bền vững;
- CSHT công nghệ thông tin, mức sẵn sàng kết nối
- Điểm đến du lịch hấp dẫn

Kuala Lumpur

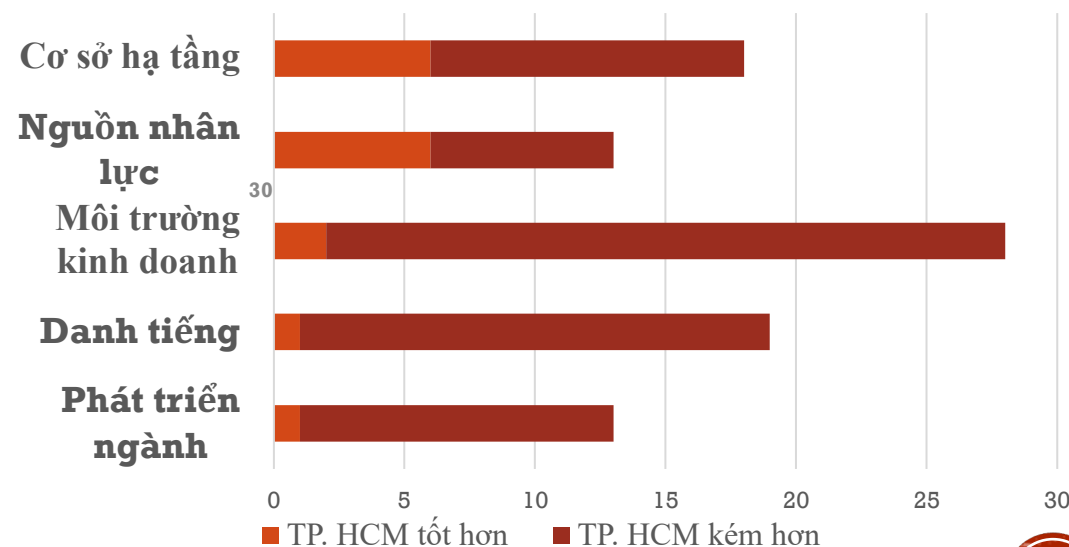
* **Vị thế:** 41/121, TTTC Quốc gia/khu vực

* **Đặc trưng:**

- ✓ Tài chính Hồi giáo (Islamic finance)
- ✓ Trái phiếu khu vực

INTERNAL

TP. HCM so với Kuala Lumpur



TP.HCM so với Jakarta

TP.HCM mạnh hơn

- Môi trường kinh doanh
- Ổn định chính trị, không có bạo lực và khủng bố
- Kết nối toàn cầu thương mại, đầu tư, thông tin, con người
- CSHT viễn thông nhỉnh hơn
- Môi trường tự nhiên
- Nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành liên quan dồi dào hơn
- Văn hóa, ngôn ngữ đa dạng
- Điểm đến du lịch nổi trội hơn
- Chi phí sinh hoạt rẻ hơn
- Chất lượng y tế chăm sóc sức khỏe tốt hơn

Jakarta mạnh hơn

- Chính sách thuế
- Chất lượng và hiệu lực QLNN
- Quy mô thị trường nội địa
- Khối lượng giao dịch chứng khoán và vốn hóa thị trường
- Xu hướng tài chính xanh mạnh mẽ, minh bạch thông tin về phát triển bền vững
- Phát triển Fintech tốt hơn
- CSHT công nghệ thông tin, độ mở, tính đổi mới sáng tạo
- Mức độ tự do báo chí, dân chủ, tự do cá nhân

Jakarta

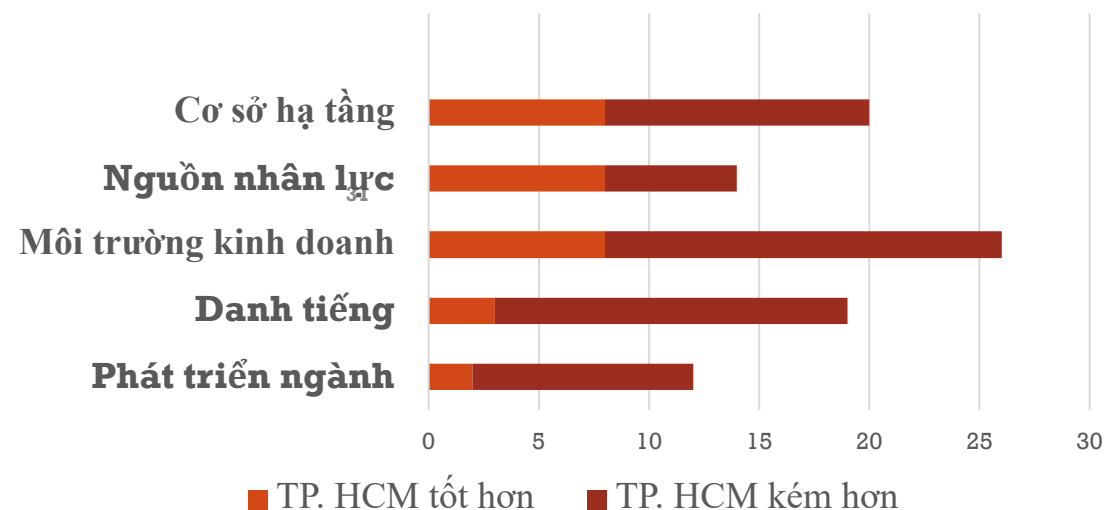
* **Vị thế:** 81/121, TTTC quốc gia

* **Đặc trưng:**

- ✓ Tài chính hồi giáo (Islamic finance)
- ✓ Ngân hàng (cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ,)

INTERNAL

TP. HCM so với Jakarta



4. Thách thức và định hướng chính sách

Khó khăn từ chính sách vĩ mô và pháp luật

- **Vị thế của TP HCM** trong chiến lược tổng thể phát triển hệ thống tài chính nói chung và thị trường tài chính nói riêng của Việt Nam
- **Đặc trưng của hệ thống tài chính Việt Nam** là các ngân hàng đóng vai trò chủ đạo, đặc biệt là các ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước.
- **Các doanh nghiệp nhà nước**, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty có quy mô lớn hoặc vẫn chưa cổ phần hóa, hoặc đã cổ phần hóa nhưng với tỷ lệ thấp
- **Các chính sách thuế và phí** (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí giao dịch tài chính ...) đều ở tầm quốc gia
- **Nhiều chính sách liên quan đến môi trường kinh doanh** ở tầm quốc gia chưa thực sự tạo điều kiện cho sự phát triển năng động của thị trường tài chính
- **Đồng tiền Việt Nam** chưa có khả năng chuyển đổi và **tài khoản vốn** chưa được tự do hóa.

4. Thách thức và định hướng chính sách

Định hướng chính sách

- **Môi trường kinh doanh**

- ✓ Cải thiện chất lượng hành chính công:

- ✓ Minh bạch, trong sạch, triển khai thực thi chính sách hiệu quả nhằm cải thiện các chỉ số tham nhũng, hối lộ, chỉ số an toàn, thanh bình (giảm thiểu bạo lực, trộm cắp, tội phạm...);
 - ✓ Hiệu quả hiệu lực thực thi, chế tài điều tiết giám sát ở cấp độ địa phương;
 - ✓ Giảm chi phí hành chính, tòa án công bằng, hiệu quả; cải thiện chỉ số môi trường kinh doanh địa phương, gia tăng niềm tin và danh tiếng, năng lực cạnh tranh của thành phố



4. Thách thức và định hướng chính sách

Định hướng chính sách

■ Phát triển vốn con người:

- ✓ Đảm bảo nguồn nhân lực ở các cấp độ đào tạo tương ứng nhu cầu thị trường (trên Đại học, ĐH, học nghề, chứng chỉ hành nghề theo chuẩn mực quốc tế) cho thị trường tài chính và các dịch vụ hỗ trợ: tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, tư vấn, luật, công nghệ thông tin, big data, AI,...; y tế, chăm sóc sức khỏe, du lịch, khách sạn nhà hàng
- ✓ Cải thiện chất lượng hành chính công để hỗ trợ tính linh hoạt của thị trường lao động và hệ thống giáo dục đào tạo nhằm nâng cao chất lượng theo chuẩn mực quốc tế và thúc đẩy đổi mới sáng tạo;
- ✓ Cải thiện chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng môi trường sống nhằm thu hút và giữ chân lao động chất lượng cao;

4. Thách thức và định hướng chính sách

Định hướng chính sách

- Quy hoạch đô thị, cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở hạ tầng công nghệ, hạ tầng kỹ thuật:
 - ✓ Quy hoạch đô thị thông minh, thân thiện môi trường;
 - ✓ Xem xét các vấn đề giao thông công cộng, giao thông liên kết nội vùng và quốc tế nhằm giảm thiểu chi phí ùn tắc giao thông, tăng cường mức độ tiếp cận thuận lợi giữa TP HCM và các trung tâm kinh tế, tài chính khu vực và toàn cầu.
 - ✓ Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ (chất lượng đường truyền, độ mở kết nối, độ rộng băng thông, cơ sở dữ liệu, bảo mật hệ thống...) nhằm đảm bảo sự phát triển nhanh, an toàn và bền vững, kết nối quốc tế, mở rộng phạm vi sản phẩm tài chính đặc biệt lĩnh vực tiềm năng Fintech.

4. Thách thức và định hướng chính sách

Định hướng chính sách

▪ Phát triển ngành tài chính:

- ✓ Đa dạng hóa sản phẩm tài chính, nhất là nhóm sản phẩm thân thiện môi trường (green bonds, green capital, ESG – environmental social governance finance)
- ✓ Gia tăng tính kết nối với thị trường khu vực và quốc tế
- ✓ Liên kết vùng cùng phát để tăng quy mô & sức mạnh kinh tế chung, làm nền tảng cho các giao dịch tài chính và gia tăng vị thế dựa theo quy mô của thị trường tài chính;
- ✓ Phát triển thị trường giao dịch phái sinh hàng hóa.

4. Thách thức và định hướng chính sách

Định hướng chính sách

- **Xây dựng thương hiệu:**

- ✓ Các chính sách truyền thông: chia sẻ thông tin tạo tính đồng thuận cao ở các cấp lãnh đạo TW và địa phương, quảng bá những yếu tố tích cực của TP HCM nhằm tạo dựng danh tiếng trên trường quốc tế.
- ✓ Các chính sách văn hóa xã hội: xây dựng không gian sống, môi trường sống chất lượng cao vừa thu hút nguồn nhân lực quốc tế, vừa gia tăng vị thế thương hiệu của thị trường tài chính TP HCM.

4. Kết luận: Một số nhận định về định hướng chiến lược

- Định hướng phát triển dịch vụ tài chính và dịch vụ kinh doanh (FABS)
- TTTC HCM phục vụ vùng Nam bộ và quốc gia, từ đó tiến ra khu vực và thế giới
- Cần một cách tiếp cận khác, nương theo biến động và xu thế của khu vực và thế giới, không theo “lối mòn” truyền thống
- Cần tìm một số “thị trường ngách” để tạo sự khác biệt và đột biến
 - Trung tâm giao dịch hàng hóa
 - Fintech
- Cần giải pháp tổng thể, kết hợp chính sách trung ương và nỗ lực địa phương

